



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI
KHÓA XIII
Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2026

GỢI Ý THẢO LUẬN KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ), HỌND TỈNH KHÓA XIII

Trên cơ sở các nội dung trình tại Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề), HỌND tỉnh khóa XIII, báo cáo kết quả thẩm tra của các Ban HỌND tỉnh, Thường trực HỌND tỉnh đã thống nhất trình Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) **06** nội dung, gồm:

- **01** báo cáo do UBND tỉnh;
- **05** dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình.

Trong **05** dự thảo nghị quyết, Thường trực HỌND tỉnh thống nhất toàn bộ **03** nội dung dự thảo nghị quyết; còn **02** nội dung dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh, qua kết quả thẩm tra, thống nhất đề nghị cơ quan trình nghiên cứu bổ sung một số nội dung sau:

1. Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 760/TTr-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh):

Theo đề nghị của UBND tỉnh trình, dự thảo Nghị quyết chỉ quy định **mức hỗ trợ “chi phí hỏa táng”** đối với thi hài từ đủ 10 tuổi trở lên là 6 triệu đồng/trường hợp; đối với thi hài dưới 10 tuổi là 4,5 triệu đồng/trường hợp.

Căn cứ quy định tại Điều 21¹ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ², Thường trực HỌND tỉnh thống nhất đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định: **mức hỗ trợ chi phí hỏa táng và chi phí vận chuyển** đối với thi hài từ đủ 10 tuổi trở lên là 6 triệu đồng/trường hợp; đối với thi hài dưới 10 tuổi là 4,5 triệu đồng/trường hợp nhằm đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng dịch vụ hỏa táng.

UBND tỉnh đã tiếp thu điều chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HỌND tỉnh.

2. Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HỌND của HỌND tỉnh quy định tiêu chí xác định vị trí từng loại đất và Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 807/TTr-UBND ngày 31/5/2026 của UBND tỉnh)

Qua báo cáo kết quả khảo sát, thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Thường trực HỌND tỉnh thống nhất:

¹ “1. Người sử dụng dịch vụ hỏa táng được hỗ trợ chi phí hỏa táng, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có);

2. UBND cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương quy định về hỗ trợ chi phí hỏa táng, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có) cho các đối tượng sử dụng dịch vụ hỏa táng.”.

² Về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng.

(1) Đối với Bảng giá đất nông nghiệp:

- Về tiêu chí:

+ Thống nhất bổ sung 02 tiêu chí về khu vực 1 và khu vực 2 tại các xã, phường; cụ thể: Khu vực 1 là các phường, thị trấn và các xã thuộc thành phố Pleiku (trước sắp xếp), khu vực 2 là các xã còn lại trước sắp xếp.

+ Mỗi khu vực nêu trên được xác định 03 vị trí (vị trí 1, 2, 3).

- Về giá đất:

+ Thống nhất các vị trí thuộc khu vực 1: giá đất giữ nguyên như Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai.

+ Đối với giá đất thuộc khu vực 2: Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu việc điều chỉnh giảm giá đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm ở mức hợp lý (khoảng từ 10%-30%) so với giá đất trong bảng giá đất theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư.

(2) Đối với Bảng giá đất phi nông nghiệp:

Thống nhất sửa đổi, bổ sung tiêu chí quy định về khu vực 1 của Bảng giá đất ở tại nông thôn, cụ thể:

- Bổ sung tên thôn là “bôn” đối với các thửa đất/khu đất nằm trong khu vực có đặt trụ sở UBND xã mới và UBND xã cũ.

- Làm rõ quy định về cách xác định các thửa đất/khu đất trong phạm vi bán kính 200m thuộc khu vực có trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch; bệnh viện; trường học (cơ sở giáo dục); chợ (nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương); cập nhật, bổ sung một số cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị mới, khu dân cư mới và khu tái định cư phục vụ các dự án trên địa bàn tỉnh; rà soát, cập nhật các tuyến đường, đoạn đường còn thiếu, mới phát sinh; điều chỉnh các tuyến đường, đoạn đường đã có giá đất trong Bảng giá đất nhưng thuộc địa bàn xã, phường khác địa bàn xã, phường nơi có tuyến đường, đoạn đường đó,... để phù hợp với đơn vị hành chính mới trên địa bàn tỉnh.

(3) Đề nghị UBND tỉnh xem xét bổ sung phần điều khoản chuyển tiếp vào dự thảo nghị quyết nhằm đảm bảo cho sự ổn định và hài hòa lợi ích của người sử dụng đất, doanh nghiệp và ngân sách của địa phương.

Nội dung đã được cơ quan soạn thảo có văn bản báo cáo giải trình. Thường trực HĐND tỉnh đề nghị đại biểu nghiên cứu cho ý kiến?.

(kèm theo Bảng tổng hợp nội dung)



**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA, GỢI Ý THẢO LUẬN
TẠI KỶ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ) HĐND TỈNH KHÓA XIII**

TT	Tên dự thảo nghị quyết	Kết quả thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh, ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh
I	BÁO CÁO	
1.	Báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (<i>Báo cáo số 118/BC-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh</i>)	Qua kết quả báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và các nội dung Ban đề nghị làm rõ như: số lượng cán bộ, công chức còn thiếu theo từng lĩnh vực chuyên môn, lộ trình khắc phục nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của chính quyền cấp xã; Phương án quản lý, sử dụng và xử lý các trụ sở làm việc, tài sản công dôi dư sau sắp xếp; đánh giá hiệu quả sử dụng, xử lý đối với từng loại tài sản... đã được cơ quan soạn thảo giải trình, báo cáo tại Văn bản số 3961/SNV-CQTN&VTLT ngày 14/6/2026. Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với những nhận định, đánh giá của UBND tỉnh về các kết quả đạt được sau 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp như Báo cáo số 118/BC-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh.
II	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	
(1)	Lĩnh vực tài chính	
2.	Dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 (<i>Tờ trình số 820/TTr-UBND ngày 02/6/2026 của UBND tỉnh</i>)	1. Cơ sở pháp lý: Căn cứ các quy định tại: Điểm c khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; khoản 3 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, việc HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 là đúng thẩm quyền. 2. Nội dung dự thảo Nghị quyết: Thống nhất vì UBND tỉnh đã tiếp thu, chỉnh sửa.
3.	Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 (<i>Tờ trình số 852/TTr-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh</i>)	1. Cơ sở pháp lý: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 là đúng thẩm quyền. 2. Nội dung dự thảo Nghị quyết: Thống nhất vì UBND tỉnh đã tiếp thu, chỉnh sửa.

TT	Tên dự thảo nghị quyết	Kết quả thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh, ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh
4.	Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai <i>(Tờ trình số 851/TTr-UBND ngày 08/6/2026 của UBND tỉnh)</i>	1. Cơ sở pháp lý: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, Việc HĐND tỉnh ban hành nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền. 2. Về nội dung dự thảo nghị quyết: Thống nhất với dự thảo Nghị quyết.
(2)	Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	
5.	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định tiêu chí xác định vị trí từng loại đất và Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai <i>(Tờ trình số 807/TTr-UBND ngày 31/5/2026 của UBND tỉnh)</i>	1. Cơ sở pháp lý: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, việc HĐND tỉnh quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định tiêu chí vị trí đối với từng loại đất và Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền. 2. Về nội dung: Trên cơ sở báo cáo kết quả khảo sát, thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Thường trực HĐND tỉnh thống nhất: a) Đối với Bảng giá đất nông nghiệp:

TT	Tên dự thảo nghị quyết	Kết quả thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh, ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh
		- Về tiêu chí: + Thống nhất bổ sung 02 tiêu chí về khu vực 1 và khu vực 2 tại các xã, phường; cụ thể: Khu vực 1 là các phường, thị trấn và các xã thuộc thành phố Pleiku (trước sắp xếp), khu vực 2 là các xã còn lại trước sắp xếp. + Mỗi khu vực nêu trên được xác định 03 vị trí (vị trí 1, 2, 3). - Về giá đất: + Thống nhất các vị trí thuộc khu vực 1: giá đất giữ nguyên như Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025. + Đối với giá đất thuộc khu vực 2: Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu việc điều chỉnh giảm giá đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm ở mức hợp lý (<i>khoảng từ 10%-30%</i>) so với giá đất trong bảng giá đất theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư. b) Đối với Bảng giá đất phi nông nghiệp: Thống nhất sửa đổi, bổ sung tiêu chí quy định về khu vực 1 của Bảng giá đất ở tại nông thôn: Bổ sung tên thôn là “bôn” đối với các thửa đất/khu đất nằm trong khu vực có đặt trụ sở UBND xã mới và UBND xã cũ. Đồng thời, làm rõ quy định về cách xác định các thửa đất/khu đất trong phạm vi bán kính 200m thuộc khu vực có trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch; bệnh viện; trường học (cơ sở giáo dục); chợ (nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương); cập nhật, bổ sung một số cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị mới, khu dân cư mới và khu tái định cư phục vụ các dự án trên địa bàn tỉnh; rà soát, cập nhật các tuyến đường, đoạn đường còn thiếu, mới phát sinh; điều chỉnh các tuyến đường, đoạn đường đã có giá đất trong Bảng giá đất nhưng thuộc địa bàn xã, phường khác địa bàn xã, phường nơi có tuyến đường, đoạn đường đó,... để phù hợp với đơn vị hành chính mới trên địa bàn tỉnh. c) Đề nghị UBND tỉnh xem xét bổ sung phần điều khoản chuyển tiếp vào dự thảo nghị quyết nhằm đảm bảo cho sự ổn định và hài hòa lợi ích của người sử dụng đất, doanh nghiệp và ngân sách của địa phương. Đã được UBND tỉnh tiếp thu, hoàn chỉnh.

TT	Tên dự thảo nghị quyết	Kết quả thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh, ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh
(3)	Lĩnh vực xây dựng	
6.	Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh Gia Lai <i>(Tờ trình số 760/TTr-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh)</i>	1. Cơ sở pháp lý: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Điều 15), Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp trong quyết định các chế độ chi ngân sách, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết; Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng. 2. Nội dung dự thảo Nghị quyết: Qua kết quả thẩm tra của Ban Văn hóa-Xã hội, Thường trực HĐND tỉnh nhận thấy: theo đề nghị của UBND tỉnh trình, dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mức hỗ trợ “chi phí hỏa táng” đối với thi hài từ đủ 10 tuổi trở lên là 6 triệu đồng/trường hợp; đối với thi hài dưới 10 tuổi là 4,5 triệu đồng/trường hợp. Căn cứ quy định tại Điều 21³ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ⁴, Thường trực HĐND tỉnh thống nhất đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định: mức hỗ trợ chi phí hỏa táng và chi phí vận chuyển đối với thi hài từ đủ 10 tuổi trở lên là 6 triệu đồng/trường hợp; đối với thi hài dưới 10 tuổi là 4,5 triệu đồng/trường hợp nhằm đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng dịch vụ hỏa táng. Đã được UBND tỉnh tiếp thu, hoàn chỉnh.

³ “1. Người sử dụng dịch vụ hỏa táng được hỗ trợ chi phí hỏa táng, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có);

2. UBND cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương quy định về hỗ trợ chi phí hỏa táng, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có) cho các đối tượng sử dụng dịch vụ hỏa táng.”.

⁴ Về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hỏa táng.